

Số: /BC-TTKT

Biên Hoà, ngày tháng năm

BÁO CÁO
CÔNG TÁC CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2024-2025
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
(Thời điểm báo cáo ngày 30 tháng 6 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: **TRUNG TÂM NUÔI DẠY TRẺ KHUYẾT TẬT
TỈNH ĐỒNG NAI**

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Địa chỉ: số 2521 Nguyễn Ái Quốc, khu phố 3, Phường Bửu Hoà, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai;

Địa chỉ thư điện tử: ndtktdongnai.edu.vn;

Địa chỉ trang thông tin điện tử (Website): <http://tntdtktdongnai.edu.vn/>;

3. Loại hình cơ sở giáo dục:

Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật nằm trong hệ thống Giáo dục Quốc dân thống nhất, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo đúng thể thức đã được quy định.

Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Đồng Nai trực thuộc sự quản lý và chỉ đạo trực tiếp của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai, đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng thuộc tỉnh Đồng Nai.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Trung tâm.

4.1. Sứ mạng

Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, có kỷ cương, thân thiện. Trung tâm thiết lập một môi trường giáo dục mang tính nhân văn, giúp các em học sinh phát huy hết những năng lực tiềm ẩn của chính mình, với một khả năng ứng xử văn hoá giáo dục, cách thức giao tiếp lịch sự văn minh, tiếp thu kiến thức mới mẻ, góp phần vào việc nâng cao chất lượng giáo dục trong toàn Ngành Giáo dục Đồng Nai.

4.2. Tầm nhìn đến năm 2030

Trở thành một ngôi trường thân thiện, có chất lượng cao, là nơi phụ huynh, học sinh tin cậy để gửi gắm con em mình. Một môi trường rèn luyện để giáo viên và học sinh luôn năng động sáng tạo và khát vọng vươn lên.

4.3. Mục tiêu chung

Giai đoạn 2025-2030 xây dựng trung tâm có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại. Thay đổi mô hình hoạt động từ Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật thành Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập tỉnh Đồng Nai theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Trung tâm.

Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 2893/QĐ.UBT ngày 27 tháng 8 năm 1997 của UBND tỉnh Đồng Nai với chức năng nuôi dạy trẻ câm-điếc, mù (nay gọi là trẻ khiếm thính và trẻ khiếm thị). Theo đó, kể từ năm học 1997-1998 Trung tâm chính thức đi vào hoạt động.

Năm học 2004-2005, theo nhu cầu thực tế, được sự đồng ý của Sở GD&ĐT Đồng Nai, Trung tâm mở thêm lớp cấp Trung học cơ sở hệ Bổ túc theo Quyết định số 698/QĐ-SGD&ĐT ngày 23 tháng 11 năm 2007.

Năm học 2008-2009, Trung tâm được sự cho phép của Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai về việc mở lớp tổ chức giảng dạy học sinh thiếu năng trí tuệ theo Quyết định số 542/QĐ-SGD&ĐT ngày 22 tháng 8 năm 2008.

Từ khi thành lập đến nay, trải qua 27 năm hình thành và phát triển, Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Đồng Nai luôn cố gắng vươn lên mỗi ngày và khẳng định vai trò của đơn vị là một cơ sở giáo dục Công lập thực hiện nhiệm vụ giáo dục, chăm sóc học sinh khuyết tật là con em của nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 03 dạng tật: khiếm thính, khiếm thị và khuyết tật trí tuệ.

Năm học 2024-2025, Trung tâm nuôi, dạy 188 học sinh khuyết tật (trong đó có 63 em khuyết tật trí tuệ, 17 em khiếm thị và 108 khiếm thính); Cấp THCS có 5 lớp với 65 học sinh, cấp tiểu học có 15 lớp với 123 học sinh.

Công tác giảng dạy và học tập tại trung tâm: học sinh Tiểu học theo học chương trình Giáo dục phổ thông 2018, học sinh trung học cơ sở theo học Chương trình Giáo dục thường xuyên, tất cả chương trình được giáo viên điều chỉnh giảm tải nội dung kiến thức phù hợp với khả năng của từng học sinh và các môn học đặc thù tùy theo dạng tật. Ngoài các hoạt động học văn hoá các em còn được học các kỹ năng đặc thù: kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng xã hội, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng định hướng di chuyển..... phù hợp với dạng tật của các em.

Ngoài ra các em còn tham gia các hoạt động phong trào văn nghệ, thể thao ... do Ngành GD&ĐT phát động, hoạt động trải nghiệm, được bổ sung thêm kiến thức, vốn sống để làm hành trang hoà nhập cộng đồng.

Sau khi tốt nghiệp ra trường các em được Ban Giám đốc Trung tâm hỗ trợ xin học nghề hoặc tìm kiếm việc làm tự nuôi sống bản thân, giảm bớt gánh nặng cho gia đình và xã hội.

Trong suốt quá trình hoạt động, Trung tâm đã gặt hái những kết quả nhất định và giúp cho hơn 100 học sinh khiếm thính có việc làm ổn định tại các Công ty thuộc Khu Công nghiệp Biên Hoà, Vĩnh Cửu.

Thành tích Trung tâm đạt được trong những năm qua:

- + Cờ Thi đua của Chính Phủ: năm 2009, năm học 2015-2016
- + Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ: năm 2009, năm 2014
- + Bằng khen của UBND Tỉnh Đồng Nai: các năm học 2008-2009; 2015-2016; 2022-2023.

Đội ngũ CB-GV-NV Trung tâm cố gắng duy trì và phát huy những kết quả đã đạt được để góp phần xây dựng Ngành GD&ĐT Đồng Nai ngày càng phát triển hơn nữa.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Họ và tên: Lê Thị Nam Nhan

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ nơi làm việc: số 2521 Nguyễn Ái Quốc, khu phố 3, Phường Bửu Hoà, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ thư điện tử : ttndtk.namnhan@dongnai.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

Tổng số CB-GV-NV của Trung tâm năm học 2024-2025 là 48 người, trong đó có 02 cán bộ quản lý, 30 giáo viên, 05 nhân viên biên chế và 11 nhân viên hợp đồng theo NĐ111/2022/NĐ-CP.

a) Chi bộ Đảng: có 17 đảng viên, cấp uỷ có 03 đồng chí

- + Bí thư: đ/c Lê Thị Nam Nhan
- + Phó bí thư: đ/c Phạm Thị Bạch Huệ
- + Chi uỷ viên: đ/c Vũ Thị Ngoan

Chi bộ thực hiện chế độ sinh hoạt đảng thường xuyên hàng tháng. Đảng viên tích cực học tập các Nghị quyết của đảng, pháp luật của Nhà nước và trau dồi chuyên môn nghiệp vụ.

b) Ban Giám đốc: có 02 đồng chí

+ Giám đốc – Phụ trách chung và phụ trách CM tiểu học: Bà Lê Thị Nam Nhan

+ Phó Giám đốc - Phụ trách CM THCS: Bà Phạm Thị Bạch Huệ

c) Tổ chức Đoàn thể: Trung tâm có 01 tổ chức Công đoàn gồm tất cả công đoàn viên là 48 CB-GV-NV và người lao động của trung tâm và 01 Liên đội hoạt động dưới sự quản lý của Công đoàn Ngành GD&ĐT và Chi bộ Trung tâm.

Ban Chấp hành Công đoàn: 03 thành viên

- + Chủ tịch Công đoàn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh
- + Phó Chủ tịch Công đoàn: Bà Trần Tuyết Trinh

+ Ủy viên BCH CĐ: Bà Ngô Thị Vui

Liên đội: Tổng Phụ Trách Đội: Bà Bùi Thị Ngọc Thảo

d) Tổ Văn phòng: có 05 nhân viên biên chế và 11 nhân viên hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP

+ Kế toán: Bà Đinh Lê Anh Ngân

+ Thủ quỹ kiêm văn thư: Bà Nguyễn Thanh Phương Mai

+ Nhân viên y tế: Bà Nguyễn Thị Hương

+ Nhân viên CNTT: Ông Nguyễn Văn Phương Đông

+ Nhân viên Giáo vụ: Ông Nguyễn Lê Hoàng Văn

+ Nhân viên hợp đồng gồm có 02 Bảo vệ, 04 Cấp dưỡng và 05 phục vụ.

đ) Các tổ chuyên môn: có 05 tổ chuyên môn phân bố ở 02 cấp học với tổng số là 30 giáo viên; tất cả GV đều đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo; 100% giáo viên có chuyên ngành Giáo dục đặc biệt và chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ.

*Cấp THCS: có 02 tổ với 07 giáo viên

+ Tổ trưởng Tổ KHXH: Bà Đỗ Thị Minh

+ Tổ trưởng tổ KHTN: Ông Nguyễn Bính Thìn

* Cấp Tiểu học: có 03 tổ với 23 giáo viên

+ Tổ trưởng Tổ Khối 1,2,3: Bà Vũ Thị Ngoan

+ Tổ trưởng Tổ Khối 4,5: Bà Nguyễn Thị Nhung

+ Tổ trưởng Tổ Khối Khuyết tật trí tuệ: Bà Đinh Lê Anh Trâm

8. Các văn bản khác của Trung tâm:

Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2025-2030; Quy chế dân chủ; các nghị quyết của Hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp (hạng)			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	IV	III	II	Tốt	Khá	Đạt	CĐ
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	37	0	4	31	0	2	0	0	8	24	28	4	0	0
I	Giáo viên	30	0	2	28	0	0	0	0	8	22	26	4	0	0
1	Giáo viên Tiểu học	23	0	1	11	0	0	0	0	7	16	19	4	0	0
2	Toán học	2	0	0	2	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0
3	Ngữ văn	2	0	0	2	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0
4	Lịch sử	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
5	Sinh học	1	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0
6	Giáo dục thể chất	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	2	0	2	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0
1	Giám đốc	1	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0

2	Phó Giám đốc	1	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0
III	Nhân viên	5	0	0	3	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1					1								
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên công nghệ thông tin	1			1										
6	Nhân viên Giáo vụ	1			1										
7	Nhân viên thư viện	0													
8	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
9	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

CBQL: Giám đốc và Phó Giám đốc tự đánh giá chuẩn nghề nghiệp mức độ: Tốt đạt tỉ lệ 100%

Giáo viên: 26 giáo viên đạt loại tốt đạt tỉ lệ: $26/30 = 86.67\%$; 04 giáo viên đạt loại khá, đạt tỉ lệ $04/30 = 13.3\%$

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: $32/32 = 100\%$ (trong đó 02 CBQL, 30 GV)

3. Kết quả đánh giá viên chức cuối năm học

Viên chức, NLD	Tổng số người	HT xuất sắc	HT tốt	HT	Không HT
CBQL	02	0	02 – 100%	0	0
Giáo viên	30	06 – 20%	21 – 70%	02 – 6.67%	01 – 3.33%
Nhân viên	05	02 – 40%	02 – 40%	01 – 20%	0
Hợp đồng	11	0	09 – 81.82%	01 – 9.09%	01 – 9.09%
Tổng cộng	48	08 – 16.67%	34 – 70.83%	04 – 8.33%	02 – 4.17%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất- diện tích đất, thiết bị

+ Diện tích đất: 11.169 m², đạt tỷ lệ 59,4 m²/ học sinh

+ Tổng số phòng học (tính theo thiết kế ban đầu về phòng học văn hóa): 12 phòng; diện tích phòng học (m²): 30 m²/phòng;

+ Các phòng học bộ môn (tính theo thiết kế ban đầu): 01 phòng, trong đó:

Phòng học bộ môn Tin học: 01 phòng, diện tích: 36 m², tổng số máy: 17 máy

+ Khối phòng hỗ trợ học tập

Thư viện: 0 phòng

Thiết bị giáo dục: 0 phòng

Tư vấn học đường: 0 phòng

Đoàn, Đội: 01 phòng; diện tích (m²): 21 m² ;

Truyền thống: 01 phòng; diện tích: 45 m²; đã sử dụng làm phòng học thứ 13.

+ Khối phụ trợ

Phòng họp: 0 phòng

Phòng y tế: 0 phòng

Phòng các tổ chuyên môn: 02 phòng; diện tích: 15 m²/phòng;

Nhà đa năng: 01 nhà; diện tích: 144 m²;

Phòng thính học: 01 phòng; diện tích: 30 m²; đã sử dụng làm phòng học thứ 14.

Nhà ở nội trú học sinh: 10 phòng; diện tích: 80 m²/phòng; đã sử dụng 5 nhà ở cho học sinh nội trú; 1 nhà ở cho học sinh bán trú; 1 nhà dùng làm văn phòng và phòng tin học cho học sinh khiếm thị có 5 máy tính; 1 nhà dùng làm thư viện; 2 nhà ở làm 4 phòng học thứ 15,16,17,18.

Nhà ăn: 01 nhà; diện tích: 170 m²;

Nhà hành chính: 01 nhà; diện tích: 120 m²;

Nhà lớp học CPTTT (MTQ ủng hộ): 01 nhà; diện tích: 67 m²; đã sử dụng làm phòng học thứ 19.

Nhà học nghề massage (MTQ ủng hộ): 01 nhà; diện tích: 155 m²; đã sử dụng làm nhà ở cho học sinh bán trú, trong đó 1 phòng dùng làm kho chứa gạo, mì gói MTQ ủng hộ;

+ Khối dạy nghề:

Phòng học may mặc: 01 phòng; diện tích: 40 m²; không sử dụng

Phòng học thêu: 01 phòng; diện tích: 43 m²; đã sử dụng làm phòng học thứ 20.

Phòng học đan lát: 01 phòng; diện tích: 65 m²; ngăn vách thành 2 phòng (1 phòng dùng làm phòng Y tế, 1 phòng dùng để đồ văn nghệ của học sinh)

Phòng học đồ mộc: 01 phòng; diện tích: 70 m²; đã sử dụng làm phòng họp hội đồng sư phạm.

+ Tổng số thiết bị dùng chung khác: Tivi: 28 cái; Máy chiếu: 07 cái; Bảng tương tác: 01 cái; Máy in: 02 cái.

+ Ngoài ra, còn có các công trình khác như Tường rào xây xung quanh Trung tâm; Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh; Nguồn điện riêng; Kết nối internet phủ khắp Trung tâm; Trang thông tin điện tử (website) của Trung tâm.

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt:

2.1. Sách giáo khoa lớp 5

TT	Môn	Tên Sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 5 Tập 1; Tập 2	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên), Vũ Thị Ân, Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Hoàng Thụy Thanh Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 5 Tập 1; Tập 2	Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đậu Thị Huế, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Khoa học 5	Chân trời sáng tạo	Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Thủy (Chủ biên), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lý 5	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Trà My, Phạm Đỗ Văn Trung (đồng Chủ biên), Nguyễn Khánh Bằng, Trần Thị Ngọc Hân, Trần Văn Nhân, Nguyễn Chí Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Đạo đức 5	Chân trời sáng tạo	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Mai Mỹ Hạnh (Chủ biên), Trần Thanh Dư, Nguyễn Thanh Huân, Lâm Thị Kim Liên, Giang Thiên Vũ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Hoạt động trải nghiệm 5 (Bản 1)	Chân trời sáng tạo	Phó Đức Hòa (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 5	Chân trời sáng tạo	Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn (đồng Tổng Chủ biên), Đặng Châu Anh (Chủ biên), Hà Thị Thư, Nguyễn Đình Tình, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 5	Chân trời sáng tạo	Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

TT	Môn	Tên Sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
9	Mĩ thuật 5 (Bản 1)	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Tin học 5	Chân trời sáng tạo	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị Quỳnh Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Nhật Minh Đăng, Lê Tấn Hồng Hải, Trịnh Thanh Hải.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ 5	Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Lê Thị Mỹ Nga, Lê Thị Xinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2.2. Sách giáo khoa lớp 9

TT	Tên Sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 9, tập một (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Phan Mạnh Hùng, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 9, tập hai (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trần Lê Duy, Dương Thị Hồng Hiếu, Tăng Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Ngọc Thúy, Phan Thu Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Lịch sử và Địa lí 9 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Phan Văn Phú (Chủ biên phần Địa lí), Trần Ngọc Điệp, Tạ Đức Hiếu, Hoàng Thị Kiều Oanh, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phạm Đỗ Văn Trung; Hà Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử), Lê Phụng Hoàng, Nhữ Thị Phương Lan, Trần Viết Ngạc, Trần Văn Nhân, Nguyễn Văn Phụng, Hồ Thanh Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

TT	Tên Sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
3	Giáo dục công dân 9 (Chân trời sáng tạo)	Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Bùi Hồng Quân (Chủ biên), Đào Lê Hòa An, Trần Tuấn Anh, Nguyễn Thanh Huân, Đỗ Công Nam, Cao Thành Tấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 9 (Chân trời sáng tạo 1)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Toán 9, tập một (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Hiên, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh, Nguyễn Đăng Trí Tín.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 9, tập hai (Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Hiên, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh, Nguyễn Đăng Trí Tín.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Khoa học tự nhiên 9 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Dương, Phạm Thị Hương, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Hoàng Vĩnh Phú, Nguyễn Tấn Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 9 (Chân trời sáng tạo)	Quách Tất Kiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Cổ Tôn Minh Đăng, Hồ Thị Hồng, Nguyễn Tấn Phong, Đoàn Thị Ái Phương, Đào Thị Thoả, Nguyễn Thanh Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 9 (Chân trời sáng tạo)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Lưu Trí Dũng (Chủ biên), Lê Minh Chí, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thiên Lý, Lê Phước Thật, Nguyễn Thị Thủy Trâm, Phạm Thái Vinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trung tâm không thuộc đối tượng áp dụng tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh:

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và các văn bản hướng dẫn hiện hành bảo đảm công bằng, khách quan, minh bạch, chính xác và bảo đảm thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học.

Đảm bảo công khai về chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, phương thức tuyển sinh và trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

*** Chỉ tiêu tuyển sinh**

Số lớp: 02 ; Số học sinh (Dự kiến): 25 học sinh

*** Phương thức, thời gian, đối tượng tuyển sinh**

- Thực hiện phương thức xét tuyển.

- Thời gian tuyển sinh: Từ ngày 01/06/2024 đến hết ngày 25/07/2024.

- Đối tượng dự tuyển là người Việt Nam khiếm thị, khiếm thính và khuyết tật trí tuệ đang sinh sống trên địa bàn tỉnh dự tuyển vào tiểu học và THCS có độ tuổi từ 6 đến 10 tuổi vào học lớp 1 và từ 11 đến 15 tuổi vào học lớp 6.

*** Điều kiện dự tuyển và điều kiện được ở nội trú – bán trú**

- Điều kiện dự tuyển:

- Gia đình chính sách (Liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, gia đình có công với cách mạng, gia đình có nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam, dân tộc thiểu số, gia đình thuộc diện xóa đói giảm nghèo, gia đình có nhiều con khuyết tật);
- Có hộ khẩu thường trú hoặc KT3 trong tỉnh Đồng Nai;
- Người khuyết tật thị giác, thính giác, khuyết tật trí tuệ ở mức độ theo quy định;
- Trong độ tuổi quy định và có đủ hồ sơ hợp lệ;
- Có đủ sức khỏe để học tập và sinh hoạt;
- Người dự tuyển là người khuyết tật thị giác, thính giác trên địa bàn lân cận tỉnh Đồng Nai sẽ được tuyển thêm khi còn dư định mức.

- Điều kiện ở nội trú và bán trú:

- Nội trú: Trẻ có đủ sức khỏe và khả năng tự phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân, cách trường 15km trở lên và có bản cam kết (trừ Tp. Biên Hòa);
- Bán trú: Trẻ ở khu vực Tp. Biên Hòa và trẻ khuyết tật trí tuệ.

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2024-2025

2.1. Cấp Tiểu học

2.1.1. Về năng lực

Khối- lớp	Sĩ số/nữ	TỐT			ĐẠT			CẦN CỐ GẮNG		
		SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ
Khối 1	62/24	17/5	27.4	0	44/19	71.0	7/2	1/0	1.6	0
Khối 2	11/4	4/1	36.4	0	6/2	54.5	0	1/1	9.1	0
Khối 3	8/4	2/1	25.0	0	6/3	75.0	0	0	0	0
Khối 4	10/6	3/1	30.0	0	5/3	50.0	1/0	2/2	20.0	1/1
Khối 5	30/12	9/6	30.0	0	14/4	46.7	0	7/2	23.3	0
TỔNG	121/50	35/14	28.9	0	75/31	62.0	8/2	11/5	9.1	1/1

2.1.2. Về phẩm chất

Khối- lớp	Sĩ số/nữ	TỐT			ĐẠT			CẦN CỐ GẮNG		
		SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ
Khối 1	62/24	27/9	43.5	2/1	35/15	56.5	5/1	0	0	0
Khối 2	11/4	5/2	45.5	0	6/2	54.5	0	0	0	0
Khối 3	8/4	4/1	50.0	0	4/3	50.0	0	0	0	0
Khối 4	10/6	9/5	90.0	2/1	1/1	10.0	0	0	0	0
Khối 5	30/12	14/7	46.7	0	16/5	53.3	0	0	0	0
TỔNG	121/50	59/24	48.8	4/2	62/26	51.2	5/1	0	0	0

2.1.3. Xếp lại chung 3 mặt giáo dục

Khối- lớp	Sĩ số/nữ	HTXS			HTT			HT			CHT		
		SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ	SL	%	DT
Khối 1	62/24	14/5	22.6	0	3/0	4.8	0	44/19	71.0	7/2	1/0	1.6	0
Khối 2	11/4	4/1	36.4	0	0	0	0	6/2	54.5	0	1/1	9.1	0
Khối 3	8/4	2/1	25.0	0	0	0	0	6/3	75.0	0	0	0	0
Khối 4	10/6	1/0	10.0	0	2/1	20.0	0	5/3	50.0	1/0	2/2	20.0	1/1
Khối 5	30/12	5/3	16.7	0	4/3	13.3	0	11/4	36.7	0	10/2	33.3	0
TỔNG	121/50	26/10	21.5	0	9/4	7.4	0	72/31	59.5	8/2	14/5	11.6	1/1

2.2. Cấp Trung học cơ sở

2.2.1. Kết quả học tập

Lớp	Sĩ số/nữ	TỐT			KHÁ			ĐẠT			CHƯA ĐẠT		
		SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ
6	16/9	4/2	25	0	7/5	43.75	0	5/2	31.25	0	0	0	0
7	13/7	4/3	30.77	0	7/4	53.85	0	2/0	15.38	0	0	0	0

Lớp	Sĩ số/nữ	TỐT			KHÁ			ĐẠT			CHƯA ĐẠT		
		SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ
8/1	9/3	7/3	77.78	1/0	2/0	22.22	0	0	0	0	0	0	0
8/2	13/5	0	0	0	7/3	53.85	1/1	6/2	46.15	1/0	0	0	0
Khối 8	22/8	7/3	31.82	1/0	9/3	40.91	1/1	6/2	27.27	1/0	0	0	0
9	12/2	4/1	33.33	0	4/1	33.33	0	4/0	33.34	3/0	0	0	0
Tổng	63/26	19/9	30.16	1/0	27/13	42.86	1/1	17/4	26.98	4/0	0	0	0

2.2.2. Kết quả rèn luyện

Lớp	Sĩ số/nữ	TỐT			KHÁ			ĐẠT			CHƯA ĐẠT		
		SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ
6	16/9	16/9	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	13/7	13/7	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8/1	9/3	9/3	100	1/0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8/2	13/5	13/5	100	2/0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Khối 8	22/8	22/8	100	3/0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	12/2	12/2	100	3/0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	63/26	63/26	100	6/0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

2.3. Kết quả hoàn thành chương trình lớp học toàn trung tâm

Khối- lớp	Sĩ số/nữ	HTCT			Chưa HTCT		
		SL/nữ	%	DT/nữ	SL/nữ	%	DT/nữ
Khối 1	62/24	61/24	98.4	7/2	1/0	1.6	0
Khối 2	11/4	10/3	90.9	0	1/1	9.1	0
Khối 3	8/4	8/4	100.0	0	0	0	0
Khối 4	10/6	8/4	80.0	1/0	2/2	20.0	1/1
Khối 5	30/12	20/10	66.7	0	10/2	33.3	0
Tiểu học	121/50	107/45	88.4	8/2	14/5	11.6	1/1
6	16/9	16/9	100	0	0	0	0
7	13/7	13/7	100	0	0	0	0
8/1	9/3	9/3	100	1/0	0	0	0

8/2	13/5	13/5	100	2/1	0	0	0
Khối 8	22/8	22/8	100	3/1	0	0	0
9	12/2	12/2	100	3/0	0	0	0
THCS	63/26	63/26	100	6/1	0	0	0
Tổng cộng	184/76	170/71	92.39	14/3	14/5	7.61	1/1

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai quyết toán ngân sách và các khoản thu năm 2024

Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật Đồng Nai

Chương: 422

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 11/QĐ-TTKT ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Giám đốc TT NDTKT)

Số TT Mã số	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2024	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-		
II	Phần chi	13.872.263.952	12.905.036.633		
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Nguồn 13)	10.837.794.252	10.292.086.087	95%	
6001	Lương theo ngạch, bậc		3.343.898.637		
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		792.352.800		
6101	Phụ cấp chức vụ		53.405.900		
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ		648.910.800		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề		2.256.705.283		
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		238.829.143		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề		451.998.464		
6201	Thưởng thường xuyên		67.392.000		

6299	Chi khác		48.000.000		
6301	Bảo hiểm xã hội		674.060.100		
6302	Bảo hiểm y tế		115.552.800		
6303	Kinh phí công đoàn		77.038.000		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp		38.517.700		
6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ		797.790.000		
6449	Chi khác		52.570.600		
6501	Tiền điện		116.364.209		
6502	Tiền nước		3.364.900		
6504	Tiền vệ sinh, môi trường		64.348.980		
6551	Văn phòng phẩm		13.493.310		
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng		5.290.001		
6553	Khoán văn phòng phẩm		5.640.000		
6599	Vật tư văn phòng khác		28.496.196		
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax		300.146		
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng		12.024.832		
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện		3.508.200		
6618	Khoán điện thoại		2.200.000		
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe		18.032.000		
6702	Phụ cấp công tác phí		14.810.000		
6703	Tiền thuê phòng ngủ		17.278.000		
6704	Khoán công tác phí		11.000.000		

6751	Thuê phương tiện vận chuyển		33.194.000		
6754	Thuê thiết bị các loại		18.242.755		
6757	Thuê lao động trong nước		10.000.000		
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin		24.649.000		
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng		18.470.000		
6921	Đường điện, cấp thoát nước		16.464.396		
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		3.704.175		
6956	Các thiết bị công nghệ thông tin		34.960.000		
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư		4.754.028		
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động		2.785.700		
7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành		13.893.550		
7049	Chi khác		107.207.000		
7756	Chi các khoản phí và lệ phí		3.171.700		
7761	Chi tiếp khách		2.999.982		
7799	Chi các khoản khác		17.504.800		
7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy		6.912.000		
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nguồn 12)	2.229.952.600	1.816.110.100	81%	
6151	Học bổng học sinh, sinh viên học trong nước (không bao gồm học sinh dân tộc nội trú)		44.640.000		
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập		263.850.000		
6449	Chi khác		186.720.000		
6503	Tiền nhiên liệu		55.708.500		

6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe		23.324.000		
6702	Phụ cấp công tác phí		15.360.000		
6703	Tiền thuê phòng ngủ		15.120.000		
6751	Thuê phương tiện vận chuyển		17.280.000		
7049	Chi khác		1.145.714.000		
7756	Chi các khoản phí và lệ phí		56.100		
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ		48.337.500		
3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên sau ngày 30/9 (Nguồn 15)	610.607.100	605.562.000	99%	
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ		374.562.000		
6449	Chi khác		231.000.000		
3	Quỹ tiền thưởng (Nguồn 18)	193.910.000	191.278.446	99%	
6249	Thưởng khác		191.278.446		

2. Công khai công bố dự toán ngân sách và các khoản thu năm 2025

Đơn vị: TT NUÔI DẠY TRẺ KHUYẾT TẬT ĐỒNG NAI

Chương: 422

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-TTKT ngày 02/01/2025 của

Giám đốc Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật Đồng Nai)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao (đã trừ tiết kiệm chi)
I	Dự toán thu ngân sách	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	15.602.400.000
	Chi sự nghiệp giáo dục	15.602.400.000
1	Kinh phí thực hiện tự chủ (Biên chế)	12.053.000.000
	Chương 422 Loại 070 Khoản 072	12.053.000.000
	* Chi con người	8.489.000.000

	* Chi hoạt động	3.564.000.000
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.549.400.000
	Chương 422 Loại 070 Khoản 072	3.549.400.000
	Các nhiệm vụ:	3.549.400.000
	- Kinh phí chi theo chế độ, chính sách của Trung tâm	3.112.400.000
	- Kinh phí tham quan, học tập kinh nghiệm theo NĐ 61/2006	90.000.000
	- Kinh phí cấp bù học phí năm học 2024-2025	40.090.000
	- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025	256.500.000
	- Kinh phí hỗ trợ chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện đồ dùng học tập năm học 2024-2025 theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013	50.410.000

Bảng chữ: Mười lăm tỷ, sáu trăm lẻ hai triệu, bốn trăm ngàn đồng chẵn.

2.2. Dự kiến các khoản đóng góp phục vụ học sinh năm học 2025-2026

2.2.1. Các khoản thu theo quy định:

- Thu học phí: Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về việc quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Theo khoản 2, điều 15 thì học sinh khuyết tật thuộc đối tượng được miễn học phí

- BHYT: Căn cứ Nghị định số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh v/v hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Theo đó, học sinh học tại Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật Đồng Nai được hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế

2.2.2. Các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện:

- Quỹ hội phụ huynh học sinh: Theo tự nguyện của PHHS
 - Thu hộ, chi hộ phụ huynh: Tiền ăn đối với học sinh khuyết tật ngoài ngân sách.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Căn cứ công văn chỉ đạo của Sở Giáo dục & Đào tạo, phòng Giáo dục & Đào tạo Biên Hòa, Trung tâm đã xây dựng các kế hoạch nhằm thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực năng lực và phẩm chất của học sinh

- Về Chương trình GDPT 2018 đối với các lớp hiện tại chưa có chương trình dành cho học sinh khuyết tật. Trung tâm luôn chú trọng công tác đổi mới quản lý theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của Trung tâm và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục

phổ thông. Ban giám đốc Trung tâm đã chỉ đạo các tổ chuyên môn, tiếp tục tiến hành nghiên cứu điều chỉnh nội dung chương trình các lớp cho phù hợp với khả năng tiếp nhận của từng đối tượng học sinh.

- Ngay từ đầu năm học, trung tâm đã chỉ đạo các tổ chuyên môn điều chỉnh chương trình, xây dựng kế hoạch môn học sát với khả năng của học sinh. Ngoài ra, trung tâm còn chỉ đạo các tổ chuyên môn lồng ghép giáo dục STEM, an ninh quốc phòng và giáo dục địa phương vào chương trình giảng dạy. Các tổ trưởng chuyên môn triển khai cho giáo viên xây dựng kế hoạch môn học, xác định rõ, các nội dung lồng ghép vào trong từng môn học, bài học cụ thể.

- Ban Giám đốc trung tâm và các tổ trưởng chuyên môn thường xuyên dự giờ thăm lớp, hỗ trợ giáo viên trong việc thực hiện chương trình mới đặc biệt với lớp 5, 9 và các lớp thực hiện chương trình mới.

- Trong năm học Trung tâm cử 04 cán bộ giáo viên tham dự Hội thảo Khoa học về giáo dục trẻ khuyết tật với chủ đề “Chuyển đổi số trong giáo dục trẻ khuyết tật” do Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam tổ chức tại Hà Nội; Cử 02 giáo viên tham dự Hội thảo về “Hướng tới sự công bằng hiệu quả trong giáo dục trẻ khuyết tật” do trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức. Tham gia các chuyên đề nâng cao chất lượng quản lý, dạy học cho học sinh cấp Tiểu học và THCS như: Chuyên đề 1: “Nâng cao chất lượng cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục trong thực hiện chương trình GDPT 2018”; chuyên đề 2: Nâng các hiệu quả triển khai các hoạt động giáo dục Hoạt động trải nghiệm;

- Sau tập huấn, trung tâm chỉ đạo giáo viên tham dự triển khai lại nội dung chuyên đề cho giáo viên trong toàn trung tâm năm. Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch, triển khai thành chuyên đề trong tổ khối mình và tiến hành xây dựng các tiết học đưa hoạt động học thông qua chơi phù hợp với học sinh từng khối lớp, từng dạng khiếm khuyết.

- Trong năm học, trung tâm đã phối hợp với Trung tâm vì Người điếc (PARĐ), tổ chức Kidspire Vietnam tập huấn phương pháp dạy học STEM cho toàn thể giáo viên của trung tâm và giáo dục STEM chuyên sâu cho 20 em học sinh trung học cơ sở và 05 giáo viên; Ban giám đốc tham dự Hội thảo Khoa học về giáo dục trẻ khuyết tật với chủ đề “Chuyển đổi số trong giáo dục trẻ khuyết tật” do Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam tổ chức tại Hà Nội; Cử 02 giáo viên tham dự Hội thảo về “Hướng tới sự công bằng hiệu quả trong giáo dục trẻ khuyết tật” do trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức. Tham gia các chuyên đề nâng cao chất lượng quản lý, dạy học cho học sinh cấp Tiểu học và THCS như: Chuyên đề 1: “Nâng cao chất lượng cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục trong thực hiện chương trình GDPT 2018”; chuyên đề 2: Nâng các hiệu quả triển khai các hoạt động giáo dục Hoạt động trải nghiệm;

- Tổ chức Hoạt động trải nghiệm cho 35 học sinh khiếm thính cấp Tiểu học tìm hiểu về di tích lịch sử và phong tục tập quán của người dân miền Tây Nam Bộ tại Bến Tre. Tại Di tích quốc gia đặc biệt Đồng Khởi Bến Tre, Cán bộ, giáo viên và các em học sinh thăm quan, nghe thuyết minh tìm hiểu về phong trào Đồng Khởi của người dân Miền Tây Nam Bộ nói chung và nhân dân, các lực lượng vũ trang tỉnh Bến Tre nói riêng đặc biệt là người dân xứ Định Thủy. Bên cạnh đó, các

em được thăm quan và tìm hiểu khu di tích Lăng mộ Cụ Nguyễn Đình Chiểu, cùng trải nghiệm các hoạt động vui chơi mang đậm chất con người Nam Bộ tại Khu du lịch Lan Vương.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh cấp Tiểu học ở cả ba dạng tật (khuyết tật nghe-nói, khuyết tật nhìn và khuyết tật trí tuệ) tại Văn Miếu Trấn Biên, Nhà lao Tân Hiệp và Bảo tàng Đồng Nai. Với mục tiêu thông qua các hoạt động tham quan, trải nghiệm thực tế tại các khu di tích lịch sử của Đồng Nai, giáo dục học sinh thêm yêu quê hương, đất nước và con người Việt Nam, có ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống dân tộc.

- Đã kết hợp với Trung tâm KIDSPIRE đã khai giảng lớp Chương trình Technovation dành cho 07 học sinh cấp THCS tham gia. Đây là một chương trình toàn cầu với hơn 120 quốc gia tham gia, các em cùng nhau giải quyết vấn đề cộng đồng mà các em quan tâm bằng cách lập trình các ứng dụng di động và ứng dụng trang web. Làm việc theo nhóm và nhận hỗ trợ từ các cố vấn có chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ và kinh doanh. Mục tiêu chính của Chương trình là khuyến khích các em nữ trong lĩnh vực công nghệ, khởi nghiệp, giúp các em tự tin và phát triển sự thấu cảm cũng như tinh thần lãnh đạo. Đây là chương trình học miễn phí dành cho các em khuyết tật tại Trung tâm có trị giá hơn 20 triệu đồng/mỗi em gồm thiết bị, giáo viên, giáo trình, phiên dịch... Thời gian tham gia khóa học là 11 tuần, từ ngày 11/01/2025 đến ngày 26/04/2025 học vào thứ 7 hàng tuần.

2. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp

* Kết quả đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên:

- + 26 /30 giáo viên xếp loại tốt.
- + 04 /30 giáo viên xếp loại khá.

* Kết quả đánh giá chuẩn Giám đốc và Phó Giám đốc:

- + Giám đốc xếp loại: Tốt
- + Phó Giám đốc xếp loại: Tốt

- Thực hiện tốt đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020.

* Kết quả: + Hoàn thành xuất sắc: 08 người; Hoàn thành tốt: 34 người;
+ Hoàn thành: 04 người. Không hoàn thành: 02 người.

- Trong năm học 2024-2025 hội đồng công nhận sáng kiến của trung tâm công nhận 08 sáng kiến. Kết quả cả 08 sáng kiến đều được Hội đồng thẩm định xếp loại Đạt.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục và Đào tạo, nhất là chế độ, chính sách của địa phương như Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về việc hỗ trợ cho mỗi giáo viên 2 triệu đồng/tháng.

3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị tối thiểu cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông đảm bảo thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục

- Số phòng học tạm đủ cho 1 lớp/ 1 phòng.

- Trung tâm có 02 phòng máy vi tính gồm 22 máy vi tính và 02 máy in dùng cho việc học tập: 01 phòng dành cho học sinh khối trung học cơ sở và 01 phòng dành cho học sinh khối khiếm thị Tiểu học. Đủ cho 1 học sinh/ 1 máy tính.

- Trang bị cơ sở vật chất đảm bảo điều kiện ứng dụng CNTT trong dạy học: 100% các lớp học có tivi, máy tính kết nối internet để hỗ trợ giảng dạy nên các giáo viên đều đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, nhất là các học sinh khiếm thính được thuận lợi hơn trong việc sử dụng kênh hình. Ngày 08/01/2025, Trung tâm đã nhận bàn giao 12 Tivi do Tổ chức Latter Day Saint Charities (Hoa Kỳ) viện trợ.

- Trung tâm duy trì và kết nối cáp quang Internet đến 100% các tổ, bộ phận trong trung tâm và phủ sóng wifi phạm vi toàn trung tâm, hỗ trợ cho giáo viên sử dụng các nền tảng công nghệ trong dạy học.

- Hội CLB Kiến trúc sư trẻ Đồng Nai tài trợ sửa chữa hồ bơi của Trung tâm và bàn giao ngay dịp Lễ khai giảng năm học mới.

4. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng an ninh

- Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: Duy trì thường xuyên việc học tập các chuyên đề về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong chi bộ, hội đồng sư phạm và tổ chức Đội thiếu niên tiên phong bằng nhiều hình thức khác nhau như tham dự các buổi triển khai của báo cáo viên; tìm hiểu nội dung tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với những câu chuyện có thật đời thường, kể chuyện về Bác ...

- Tiếp tục thực hiện lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng, an ninh trong chương trình chính khóa của cấp tiểu học và trung học cơ sở.

5. Tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, y tế trường học; bảo đảm an toàn trường học; chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh

- Trung tâm thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục thể thao tại khu nội trú cho học sinh tham gia vui chơi tập luyện sau giờ học như: bóng đá, bóng chuyền hơi, cầu lông.

- Trong năm học Tổ chuyên môn phối hợp với Đội TNTP Hồ Chí Minh tổ chức 03 lượt hội thi đấu thể thao và trò chơi dân gian cho cán bộ giáo viên và học sinh vào các dịp như ngày 20/11; ngày 9/01 và 18/4. Thông qua các đợt hội thi giúp các em học sinh được giải trí, thoải mái, tự tin thể hiện năng khiếu tài năng của mình.

Tháng 10/2024, các em khiếm thị và thiếu năng trí tuệ tham gia Giải thể thao người khuyết tật tỉnh Đồng Nai năm 2024 do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức. Kết quả đạt được: 03 huy chương Vàng, 03 huy chương Bạc và 04 huy chương Đồng.

- Bộ phận y tế Trung tâm thường xuyên tuyên truyền về dịch bệnh, triển khai việc giữ gìn vệ sinh, phân loại rác thải trong các buổi sinh hoạt dưới cờ. Trong

năm học Trung tâm phối hợp với trạm y tế phường Bửu Hòa tổ chức khám bệnh định kì cho 100% các em học sinh đang theo học 1 lần.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong toàn ngành Giáo dục

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia học tập và hoàn thành các chuyên đề chuyển đổi số, an toàn an ninh mạng theo quy định của ngành.

- Ban Giám đốc triển khai thực hiện cập nhật thông tin học sinh, thời khóa biểu, lịch báo giảng, và kết quả giáo dục học sinh trên các phần mềm.

- 100% giáo viên có kỹ năng khai thác các nguồn học liệu, kỹ năng tìm kiếm thông tin trên Internet để hỗ trợ nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy – học đối với học sinh khuyết tật.

- 100% giáo viên chủ nhiệm kết nối, tương tác, trao đổi thông tin với phụ huynh thông qua các phần mềm miễn phí như Zalo, Messenger.

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên hoàn thành việc đăng ký sử dụng “Tài khoản định danh điện tử mức độ 2” qua ứng dụng VneID.

- 100% dữ liệu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trên phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành đầy đủ, chính xác, đồng bộ số định danh cá nhân của với CSDLQG về Dân cư.

- Ban Giám đốc phối hợp với nhà mạng viễn thông VNPT tổ chức tập huấn nhiều đợt hướng dẫn sử dụng chữ ký số cho toàn thể cán bộ giáo viên trung tâm, chuẩn bị tốt cho công tác thực hiện Học bạ số năm học 2024- 2025. 100% cán bộ quản lý, giáo viên có chữ ký số của Trung tâm Kinh doanh VNPT Đồng Nai.

- Trung tâm đã triển khai các khoản thu phí bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt.

- Trung tâm đang triển khai tuyển sinh năm học 2025-2026 bằng hình thức trực tuyến.

7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Trong năm học đã tiến hành 17 cuộc kiểm tra nội bộ vào tháng 10, 11, 12 năm 2024 và 16 các cuộc kiểm tra vào tháng 02, 3, 4 năm 2025. Kết quả xếp loại tốt – 100%. Kiểm tra hoạt động sư phạm giáo viên gồm 20 GV, trong đó: Kiểm tra toàn diện: 09 GV; kết quả: Giỏi – 07 GV; khá – 02 GV; Kiểm tra chuyên đề: 11 GV; kết quả: Giỏi – 11 GV.

- Kết quả kiểm tra: Các bộ phận đều thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được phân công, đảm bảo công việc đúng tiến độ, đảm bảo đúng quy định của cấp trên đối với các vị trí công tác, phù hợp và đảm bảo gìn giữ văn hóa Trung tâm. Trong quá trình kiểm tra, ban kiểm tra đã kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc, những đề xuất của các bộ phận để tham mưu với tập thể lãnh đạo Trung tâm đưa ra hướng khắc phục tạo điều kiện cho các bộ phận làm tốt công tác của mình.

8. Thực hiện các phong trào thi đua trong toàn ngành

- 100% nhà giáo không vi phạm đạo đức nhà giáo, thực hiện tốt văn hóa công sở và những quy định của cấp trên về giờ giấc, không sử dụng rượu bia, các chất kích thích trước, trong giờ làm việc.

- Trong đợt Hội giảng chào mừng 42 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2025, 30/30 giáo viên trong trung tâm đăng kí tham dự hội giảng. Kết quả: 100% giáo viên tham gia hội giảng đều xếp loại Tốt. Tất cả các giáo viên đều ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy - học và đổi mới phương pháp dạy - học. Thông qua đợt hội giảng, các giáo viên trong tổ khối đã hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm cùng nhau đồng thời cũng đóng góp, rút kinh nghiệm cho đồng nghiệp của mình với những khó khăn vướng mắc trong quá trình dạy. Hội giảng là đợt chia sẻ, học tập chuyên môn sâu rộng trong giáo viên toàn trung tâm, qua đó cũng thấy năng lực ứng dụng CNTT trong dạy học của giáo viên ngày càng sáng tạo.

- Trung tâm đã tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến giai đoạn 2025 – 2030 nhằm tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện phong trào thi đua yêu nước từ năm 2020 đến 2025 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ đẩy mạnh phong trào thi đua, nâng cao hiệu quả công tác khen thưởng giai đoạn 2025 – 2030. Trong đó, Giám đốc Trung tâm đã ghi nhận, biểu dương 15 cán bộ, giáo viên và nhân viên có thành tích xuất sắc trong 05 năm qua.

9. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

- Trung tâm đã thành lập Website Trung tâm để đưa các thông tin của trung tâm đồng thời Ban giám đốc trung tâm thành lập tiểu ban nội dung để cập nhật viết bài phục vụ công tác truyền thông của trung tâm.

- Trung tâm luôn chú trọng công tác truyền thông giáo dục học sinh khuyết tật, luôn có các hình thức giới thiệu hình ảnh của trung tâm qua các kênh thông tin như báo Đồng Nai, Đài phát thanh Truyền hình Đồng Nai vào dịp như đầu năm (công tác tuyển sinh); các ngày lễ (Trung thu, 20/11) ngoài ra, Ban Giám đốc cũng tạo 01 tài khoản facebook và phụ trách công tác đưa các hình ảnh giới thiệu các hoạt động của học sinh trên trang này.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Đồng Nai, Trung tâm công khai đến lãnh đạo, cha mẹ học sinh, đội ngũ CB-GV-NV Trung tâm để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ Trung tâm thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2025-2026.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (b/c);
- Trang TTĐT (ck);
- CB, GV, NV, PH;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Nam Nhạn